

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 5 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ngân.

Ông Lê Đức Lập.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh H1 là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 761/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Đặng Thị Phụng H, sinh năm: 1990; cư trú tại tổ X, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

***- Bị đơn:*** Anh Trần Văn H1, sinh năm: 1980; cư trú tại tổ X, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2019 và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Phượng H trình bày:

Chị và anh H1 chung sống năm 2008, đến ngày 19/10/2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Biên Giới, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vào thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh H1 thường xuyên uống rượu, vài lần đánh chị. Tháng 9 năm 2018, chị có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhưng anh H1 năn nỉ nên chị rút đơn khởi kiện, Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Gia đình hai bên không hòa giải do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị đã chịu đựng nhiều năm vì thương con. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Minh Đăng, sinh ngày 08/11/2009 và Trần Đăng Khoa, sinh ngày 30/9/2012. Hai con chung đều có nguyện vọng sống với chị sau khi chị và anh H1 ly hôn. Chị yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con vì chị có thu nhập ổn định và có đủ điều kiện nuôi con. Hiện nay chị đang làm nghề cạo mủ tự nhân thu nhập khoảng 4.500.000 đồng/ tháng.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: Không có.

Theo lời khai ngày 08/01/2020 anh Trần Văn H1 trình bày:

Anh và chị H sống chung năm 2008, đến năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Biên Giới, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng có thỉnh thoảng cãi nhau do bất đồng quan điểm. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn do anh còn thương vợ, thương con, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Minh Đăng, sinh ngày 08/11/2009 và Trần Đăng Khoa, sinh ngày 30/9/2012. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh muốn nuôi hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh đang làm công nhân cạo mủ cao su, thu nhập khoảng 4.500.000 đồng/ tháng.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm. Đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, cho chị H và anh H1 được ly hôn; về con chung: Giao hai con chung là Trần Minh Đăng, sinh ngày 08/11/2009 và Trần Đăng Khoa, sinh ngày 30/9/2012 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con; ghi nhận chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn; nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H1, cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, giải quyết tranh chấp về nuôi con chung. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị H là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh H1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 19/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Biên Giới, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 hợp pháp.

[3.1] Qua lời trình bày của chị H và anh H1 thấy rằng: Quá trình chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do có sự bất hòa trong đời sống vợ

chồng, không có sự đồng nhất về cách nghĩ cũng như về lối sống, sinh hoạt, từ đó thiếu sự tin tưởng và không thông cảm, chia sẻ với nhau làm cho tình cảm vợ chồng bị ảnh hưởng và không giải quyết được nên chị H đã nộp đơn ly hôn với anh H1 vào năm 2018. Qua xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H, anh H1 (bút lục 26), thấy rằng: Quá trình chung sống giữa chị H và anh H1 có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường cãi nhau, chị H thường xuyên bỏ nhà đi; Trường áp có đến nhà khuyên bảo để vợ chồng chị H và anh H1 sống hoà thuận với nhau nhưng vẫn không thay đổi.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị H vẫn cương quyết ly hôn, anh H1 không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng được chị H chấp nhận. Như vậy, có căn cứ về việc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H và anh H1 ly hôn.

[4] Về nuôi con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Trần Minh Đăng, sinh ngày 08/11/2009 và Trần Đăng Khoa, sinh ngày 30/9/2012; hai con chung đều có nguyện vọng sống với mẹ sau ly hôn. Chị H và anh H1 đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con. Chị H và anh H1 đều có yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng có đủ điều kiện nuôi hai con. Xét thấy, yêu cầu xin được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là nguyện vọng chính đáng của cha mẹ nhưng khi giao con cho người trực tiếp nuôi phải căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng, nguyện vọng của con chung nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, do đó giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng cho con chung.

[5] Về tài sản: Chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Chị H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Phụng H đối với anh Trần Văn H1.

Chị Đặng Thị Phụng H được ly hôn với Trần Văn H1.

2. Về nuôi con chung:

Giao hai con chung là Trần Minh Đăng, sinh ngày 08/11/2009 và Trần Đăng Khoa, sinh ngày 30/9/2012 cho chị Đặng Thị Phụng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị Đặng Thị Phụng H không yêu cầu anh Trần Văn H1 cấp dưỡng cho con chung.

Sau khi ly hôn, anh Trần Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

Chị Đặng Thị Phụng H và anh Trần Văn H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

4. Về án phí:

Chị Đặng Thị Phụng H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006514 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Đặng Thị Phụng H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Thị Thanh Hằng**